

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ, TIN HỌC IUV

DANH SÁCH CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN
TỔ CHỨC NGÀY 30/8/2020

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			
1	Nguyễn Thị Ngọc Bích	Nữ	02/8/1996	Nghệ An	5.3	6.5	1/QĐ126	1140651	
2	Lê Việt Dũng	Nam	12/02/1996	Nghệ An	6.3	6.5	2/QĐ126	1140652	
3	Từ Thị Thanh Hiền	Nữ	25/12/1976	Nghệ An	5.0	6.0	3/QĐ126	1140653	
4	Lê Thị Thanh Hiền	Nữ	04/02/1996	Hà Tĩnh	6.3	8.0	4/QĐ126	1140654	
5	Lưu Ngọc Hiếu	Nam	12/08/1989	Nghệ An	7.0	7.5	5/QĐ126	1140655	
6	Lê Xuân Hồ	Nam	10/05/1977	Nghệ An	8.3	6.5	6/QĐ126	1140656	
7	Nguyễn Xuân Hưng	Nam	05/02/1988	Nghệ An	6.7	5.5	7/QĐ126	1140657	
8	Nguyễn Thị Khánh Linh	Nữ	20/8/1996	Nghệ An	6.7	7.0	8/QĐ126	1140658	
9	Nguyễn Đức Phong	Nam	10/07/1992	Nghệ An	6.0	5.0	9/QĐ126	1140659	
10	Nguyễn Trọng Quỳnh	Nam	28/05/1979	Nghệ An	6.7	5.0	10/QĐ126	1140660	
11	Võ Thị Quỳnh	Nữ	18/06/1999	Nghệ An	6.0	6.0	11/QĐ126	1140661	
12	Ngô Trường Sinh	Nam	25/12/1997	Nghệ An	6.0	7.5	12/QĐ126	1140662	
13	Trịnh Thị Tâm	Nữ	09/05/1990	Thanh Hóa	6.3	7.5	13/QĐ126	1140663	
14	Hồ Thị Phương Thảo	Nữ	05/11/1997	Nghệ An	6.0	7.5	14/QĐ126	1140664	
15	Trần Thị Mai Thi	Nữ	22/09/1997	Nghệ An	5.0	7.0	15/QĐ126	1140665	
16	Trương Sỹ Thuận	Nam	20/11/1993	Nghệ An	6.7	7.0	16/QĐ126	1140666	
17	Trần Thị Thủy	Nữ	02/08/1997	Nghệ An	6.3	6.0	17/QĐ126	1140667	
18	Lê Văn Toàn	Nam	21/10/1993	Nghệ An	6.0	7.0	18/QĐ126	1140668	
19	Nguyễn Thị Trọng	Nữ	20/12/1987	Nghệ An	5.0	5.5	19/QĐ126	1140669	
20	Trần Như Uyên	Nữ	27/07/1975	Nghệ An	6.0	6.0	20/QĐ126	1140670	
21	Nguyễn Duy Việt	Nam	20/12/1987	Nghệ An	5.7	8.0	21/QĐ126	1140671	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm thi		Số vào sổ gốc cấp chứng chỉ	Số hiệu	Ghi chú
					Lý thuyết	Thực hành			